

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 23
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định, tiền thân là Công ty Cổ phần Ba Lan, được chuyển đổi từ Xí nghiệp Chế biến và kinh doanh lương thực thực phẩm Hà Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056632 ngày 19 tháng 11 năm 1999 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi 02 lần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh các loại bia, cồn rượu và nước giải khát;
- Sản xuất, chế biến và mua bán lương thực, thực phẩm;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc, thiết bị, ô tô;
- Đại lý tiêu thụ sản phẩm.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 23).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Xuân Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Dũng	Thành viên
Ông Phạm Văn Hiền	Thành viên
Ông Đặng Quang Thắng	Thành viên
Ông Lê Vũ Đại	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Hiền	Giám đốc	
Ông Đặng Quang Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Vũ Đại	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Lâm	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

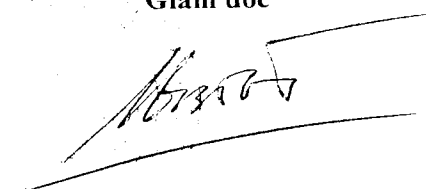
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Nam Định, ngày 04 tháng 02 năm 2013

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc


Phạm Văn Hiền



Số: 18./2013/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tình hiện hữu, tính đầy đủ cũng như tình trạng của tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm nêu trên.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đang trình bày giá trị còn lại của công cụ, vật tư luân chuyển là bom bia đã xuất dùng trên khoản mục “Hàng tồn kho (Công cụ, dụng cụ)” thay vì trình bày trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” với số tiền là 8.523.868.091 đồng.

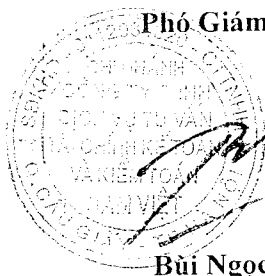
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2013

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lan

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.094.305.494	13.921.886.469
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.136.866.017	62.104.999
1.	Tiền	111	V.01	36.866.017	62.104.999
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2.100.000.000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		738.161.129	751.000.854
1.	Phải thu khách hàng	131		285.717.190	206.349.750
2.	Trả trước cho người bán	132		86.680.000	64.680.100
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	365.763.939	479.971.004
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		11.861.476.406	12.986.668.766
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	11.861.476.406	12.986.668.766
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		357.801.942	122.111.850
i.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	24.115.878
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	281.243.320	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	76.558.622	97.995.972

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.604.672.164	19.033.454.933
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.511.849.501	18.995.171.175
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	17.511.849.501	18.995.171.175
	- Nguyên giá	222		34.984.693.115	35.113.882.782
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.472.843.614)	(16.118.711.607)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		92.822.663	38.283.758
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	92.822.663	38.283.758
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.698.977.658	32.955.341.402

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		10.083.395.764	10.968.934.402
I.	Nợ ngắn hạn	310		10.083.395.764	10.691.188.573
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	-	644.391.089
2.	Phải trả người bán	312		1.418.506.691	2.389.186.200
3.	Người mua trả tiền trước	313		40.727.273	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	192.295.472	734.682.527
5.	Phải trả người lao động	315		712.610.599	463.270.865
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	7.719.176.852	6.439.950.813
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		78.877	19.707.079
II.	Nợ dài hạn	330		-	277.745.829
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	277.745.829
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.615.581.894	21.986.407.000
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	22.615.581.894	21.986.407.000
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		269.542.601	269.542.601
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		269.542.601	269.542.601
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.076.496.692	1.447.321.798
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.698.977.658	32.955.341.402

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nam Định, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trần Thị Diệp

Kế toán trưởng

Lê Vũ Đại

Giám đốc

Phạm Văn Hiến

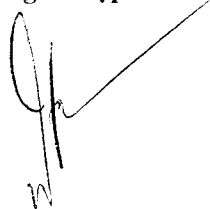
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	47.555.381.111	45.827.363.559
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	9.313.341.297	8.872.171.050
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	38.242.039.814	36.955.192.509
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	28.452.807.764	28.242.455.540
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.789.232.050	8.712.736.969
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	68.128.600	15.357.900
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	44.529.532	82.313.234
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		44.529.532	82.313.234
8.	Chi phí bán hàng	24		4.334.721.411	4.298.233.354
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.998.817.392	2.170.025.477
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.479.292.315	2.177.522.804
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	634.299.258	124.491.437
12.	Chi phí khác	32	VI.08	554.008.461	219.726.684
13.	Lợi nhuận khác	40		80.290.797	(95.235.247)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.559.583.112	2.082.287.557
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	483.086.420	634.965.759
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.076.496.692	1.447.321.798
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.038	724

Nam Định, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



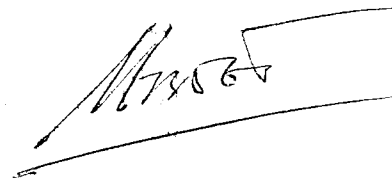
Trần Thị Diệp

Kế toán trưởng



Lê Vũ Đại

Giám đốc



Phạm Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		2.559.583.112	2.082.287.557
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		2.295.090.872	2.186.420.182
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.893.347)	(15.357.900)
-	Chi phí lãi vay	06		44.529.532	82.313.234
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.867.310.169	4.335.663.073
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(246.966.245)	447.634.232
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.125.192.360	(10.080.375.379)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		441.734.531	2.417.588.083
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(54.538.905)	6.631.063.926
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(44.529.532)	(82.313.234)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.285.821.135)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	3.853.287.399
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(83.446.463)	(5.319.295.007)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.718.934.780	2.203.253.093
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.275.525.273)	(3.295.752.873)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		448.000.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68.128.600	15.357.900
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(759.396.673)	(3.280.394.973)

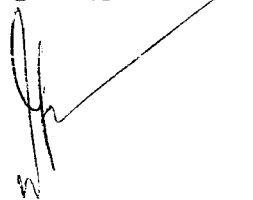
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
 Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		133.000.000	2.010.843.740
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(777.391.089)	(1.366.452.651)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.240.386.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.884.777.089)	644.391.089
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.074.761.018	(432.750.791)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		62.104.999	494.855.790
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.136.866.017	62.104.999

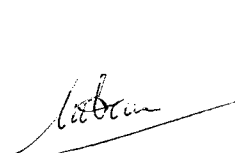
Nam Định, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



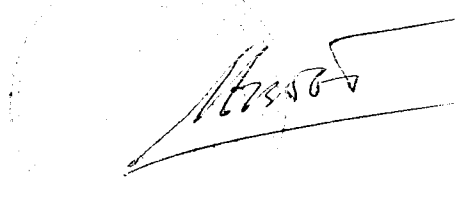
Trần Thị Diệp

Kế toán trưởng



Lê Vũ Đại

Giám đốc



Phạm Văn Hiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần có vốn đầu tư Nhà nước chi phối.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh các loại bia, cồn rượu và nước giải khát;
- Sản xuất, chế biến và mua bán lương thực, thực phẩm;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc, thiết bị, ô tô;
- Đại lý tiêu thụ sản phẩm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công cụ, vật tư luân chuyển là bom bia đã xuất dùng được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng trong thời gian 7 năm.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	7 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính.

Chi phí trả trước được phân bổ theo đường thẳng.

05. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Theo thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trừ các hoạt động sản xuất bia, hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
 Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	20.171.519	21.779.235
- Tiền gửi ngân hàng	16.694.498	40.325.764
Cộng	<u>36.866.017</u>	<u>62.104.999</u>
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu tiền cho vay (*)	200.000.000	200.000.000
- Bảo hiểm tỉnh Nam Định	71.761.939	-
- Phải thu khác	94.002.000	279.971.004
Cộng	<u>365.763.939</u>	<u>479.971.004</u>
(*) Bao gồm:		
Cho Mai Văn Nam vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 1,29%/tháng.		
Cho Nguyễn Mạnh Hà vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 0,6%/tháng.		
Cho Nguyễn Thị Lệ vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 0,6%/tháng.		
03. Hàng tồn kho	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	2.040.277.983	1.673.437.674
- Công cụ, dụng cụ	8.836.813.604	10.755.795.302
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	884.900.835	520.808.670
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	99.483.984	36.627.120
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>11.861.476.406</u>	<u>12.986.668.766</u>
04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	281.243.320	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	<u>281.243.320</u>	<u>-</u>
05. Tài sản ngắn hạn khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	76.558.622	97.995.972
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>76.558.622</u>	<u>97.995.972</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.265.962.371	26.356.250.602	2.272.762.190	218.907.619	35.113.882.782
- Mua trong năm	172.260.000	-	1.091.565.273	11.700.000	1.275.525.273
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(100.884.217)	(648.914.390)	(641.216.333)	(13.700.000)	(1.404.714.940)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.337.338.154	25.707.336.212	2.723.111.130	216.907.619	34.984.693.115
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.091.602.881	12.639.259.716	1.336.901.465	50.947.545	16.118.711.607
- Khấu hao trong năm	267.384.553	1.863.803.522	151.760.876	12.141.921	2.295.090.872
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(100.884.217)	(628.666.295)	(197.708.353)	(13.700.000)	(940.958.865)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.258.103.217	13.874.396.943	1.290.953.988	49.389.466	17.472.843.614
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	4.174.359.490	13.716.990.886	935.860.725	167.960.074	18.995.171.175
2. Tại ngày cuối năm	4.079.234.937	11.832.939.269	1.432.157.142	167.518.153	17.511.849.501

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 5.288.083.799 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
 Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
07. Chi phí trả trước dài hạn		
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng	92.822.663	38.283.758
- Chi phí khác	-	-
Cộng	92.822.663	38.283.758
08. Vay và nợ ngắn hạn		
- <i>Vay ngân hàng</i>	-	644.391.089
+ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam	-	644.391.089
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-
Cộng	-	644.391.089
09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	71.054.678	86.151.024
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	120.677.025	115.417.520
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	521.491.395
- Thuế thu nhập cá nhân	563.769	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.622.588
Cộng	192.295.472	734.682.527
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	831.640
- Kinh phí công đoàn	14.719.674	914.373
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	162.484.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	7.067.823.399	6.165.325.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	636.633.779	110.395.000
Cộng	7.719.176.852	6.439.950.813

(i) Nhận ký cược vỏ bia, bom bia.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	269.542.601	269.542.601	-	20.539.085.202
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.447.321.798	1.447.321.798
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	269.542.601	269.542.601	1.447.321.798	21.986.407.000
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	2.076.496.692	2.076.496.692
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(47.321.798)	(47.321.798)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	269.542.601	269.542.601	2.076.496.692	22.615.581.894

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	11.069.400.000	11.069.400.000
+ Tổng công ty Bia rượu Nước Giải Khát Hà Nội	10.200.000.000	10.200.000.000
+ Tổng công ty lương thực miền Bắc	869.400.000	869.400.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	8.930.600.000	8.930.600.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.400.000.000	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	269.542.601	269.542.601
- Quỹ dự phòng tài chính	269.542.601	269.542.601
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	539.085.202	539.085.202

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	1.011.581.370	1.341.631.070
- Doanh thu bán thành phẩm	44.116.120.747	42.219.357.167
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.427.678.994	2.266.375.322
Cộng	47.555.381.111	45.827.363.559

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.313.341.297	8.872.171.050
Cộng	9.313.341.297	8.872.171.050

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.011.581.370	-
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	34.802.779.450	34.688.817.187
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.427.678.994	2.266.375.322
Cộng	38.242.039.814	36.955.192.509

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	935.951.386	1.300.243.119
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	26.164.678.878	25.763.852.399
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.352.177.500	1.178.360.022
Cộng	28.452.807.764	28.242.455.540

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.128.600	15.357.900
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	68.128.600	15.357.900

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	44.529.532	82.313.234
Cộng	44.529.532	82.313.234

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	407.272.727	-
- Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	-
- Thu nhập khác	227.026.531	124.491.437
Cộng	634.299.258	124.491.437

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	443.507.980	-
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	-	-
- Chi phí khác	110.500.481	219.726.684
Cộng	554.008.461	219.726.684

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	483.086.420	634.965.759
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	483.086.420	634.965.759

(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành

a. Hoạt động không được hưởng giảm thuế TNDN

Lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	407.707.311
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (2)	18.325.306
Thu nhập chịu thuế TNDN (3)=(1)+(2)	426.032.617
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (4)	25%
Chi phí thuế TNDN của hoạt động không được hưởng giảm thuế TNDN (5)=(3)*(4)	106.508.154

b. Hoạt động được hưởng giảm thuế TNDN

Lợi nhuận kế toán trước thuế (6)	2.151.875.801
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (7)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (8)=(6)+(7)	2.151.875.801
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (9)	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (10)=(8)*(9)	537.968.951
Số thuế TNDN được giảm (11)=(10)*30%	161.390.685
Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động được hưởng giảm thuế TNDN (12)=(10)-(11)	376.578.266
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	483.086.420

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.076.496.692	1.447.321.798
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.076.496.692	1.447.321.798
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.038	724

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.916.113.662	23.057.448.044
- Chi phí nhân công	5.224.746.831	3.992.123.200
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.295.090.872	2.186.420.182
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.604.525	1.257.930.600
- Chi phí khác bằng tiền	2.087.931.456	2.959.804.913
Cộng	35.214.487.346	33.453.726.939

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Là Công ty mẹ của Công ty, chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco	Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội		
Chi phí sử dụng bản quyền sản xuất Bia hơi Hà Nội	552.936.415	536.203.238
Chia cổ tức	714.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi	815.301.818	937.514.854

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – NAM ĐỊNH
Số 5, đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco</i>		
Phải thu của khách hàng	11.238.190	8.766.750
Cộng nợ phải thu	11.238.190	8.766.750
<i>Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội</i>		
Phải trả người bán	60.710.491	522.033.818
Cộng nợ phải trả	60.710.491	522.033.818

02. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

03. Thông tin về hoạt động liên tục

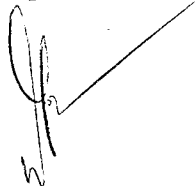
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

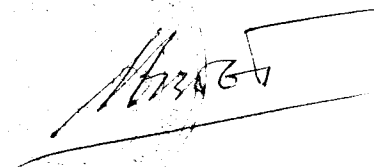
Nam Định, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Diệp

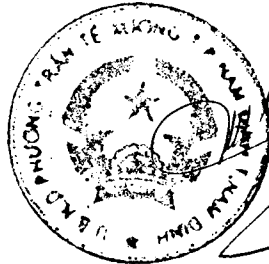
Lê Vũ Đại

Phạm Văn Hiến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ng 16 -07- 2014

Số chứng mục:.....9175
Quyển số:...../...SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG